



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN TIN THAN NGÀY

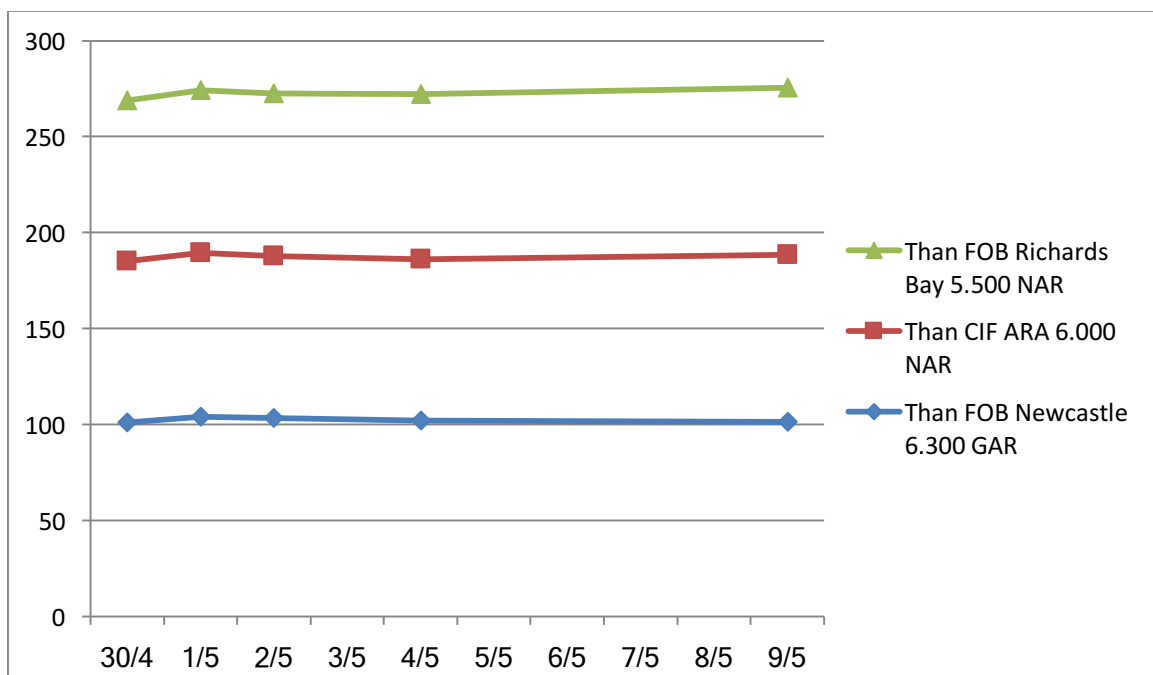
Ngày 09/05/2018

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	101,50	-0,45	100,50	-0,05
CIF ARA 6.000 NAR	87,10	+1,75	89,05	+1,45
FOB Richards Bay 5.500 NAR	86,85	+0,75	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	76,50	+0,50
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	62,00	+0,75

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	51,85	+0,35	329,20	+2,61
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	70,60	+0,60	448,25	+4,33
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	84,50	+1,70	536,50	+11,41

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 09/05/2018)

ĐIỂM TIN

Giá than Nam Phi tăng mạnh trong ngày thứ 4

Giá than Nam Phi đã tăng mạnh trong hôm thứ 4 do nhu cầu tiêu thụ than từ các nhà máy điện của Eskom tăng trong khi thiếu nguồn cung. Trong ngày thứ 3, giá than 5.500 kcal/kg NAR đạt mức 86,10 USD/tấn, FOB Richards Bay, tăng 6,35 USD/tấn so với đầu năm và là mức cao nhất kể từ tháng 11/2016. Tuy nhiên mức giá cao như hiện tại có thể không giữ được trong thời gian dài do khách hàng lớn nhất của Nam Phi là Ấn Độ không đồng ý mua với giá cao. Giá than 6.000 kcal/kg NAR đang cao hơn 100 USD/tấn, mức giá này khiến cho các nhà sản xuất vui mừng nhưng sẽ khó tìm được người mua, ngoại trừ những khách hàng không thể tìm được nguồn than thay thế. Nguyên nhân chính đằng sau việc giá than Nam Phi tăng cao đột ngột là do một số mỏ than lộ thiên lớn tại nước này bị ảnh hưởng vì mưa lớn. Than 5.500 kcal/kg NAR do đó trở nên khan hiếm nghiêm trọng và việc phối trộn để bù đắp thiếu hụt cho loại than này đã kéo theo khan hiếm các loại than khác. Thêm vào đó, Eskom cũng đang tìm kiếm than nhập khẩu để bổ sung do những vấn đề trong chuỗi cung ứng, khai thác mỏ và việc đóng cửa mỏ Gupta – sở hữu bởi Optimum Coal Mine đầu năm nay.

Ukraine tăng cường nhập khẩu than trong 4 tháng đầu năm

Trong 4 tháng đầu năm nay, Ukraine đã đẩy mạnh nhập khẩu than, bao gồm than anthracite, tăng 53,9% so với cùng kỳ năm ngoái lên 7,43 triệu tấn. Giá trị than nhập khẩu cũng tăng 30,3% so với cùng kỳ năm ngoái lên 1,4 tỷ USD trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 4. Khoảng 64% lượng than nhập khẩu đến từ Nga, 28,7% nhập khẩu từ Mỹ và 4,8% từ Canada, theo số liệu Hải quan. Khối lượng than nhập khẩu lớn đồng thời nhu cầu tiêu thụ giảm do thời tiết ấm hơn đã giúp dự trữ than của Ukraine tăng lên từ đầu tháng này. Các kho dự trữ than của Ukraine tại các nhà máy điện đã tăng 4,2% so với tuần trước lên 1,5 triệu tấn vào thứ 3, tăng từ 1,44 triệu tấn ngày 1/5, theo Bộ Năng lượng và Công nghiệp Than. Cụ thể, các kho dự trữ than anthracite giảm 1% còn 273.100 tấn, trong khi các kho than nhiệt tăng 5,4% lên 1,22 triệu tấn.

Công ty East- West Power đấu thầu mua 980.000 tấn than giao tháng 7, 8

Trong ngày 8/5, EWP đã công bố 5 gói thầu mua tổng cộng 980.000 tấn than nhiệt giao trong tháng 7, 8 và để phục vụ cho các nhà máy nhiệt điện. Trong gói thầu đầu tiên, công ty mua 2 chuyến hàng, mỗi chuyến 140.000 tấn than bitum nhiệt trị 5.700 kcal/kg NAR, độ ẩm tối đa 15%, chất bốc 22 - 38%, độ tro tối đa 17% và 0,7% lưu huỳnh. Trong gói thầu này, công ty chấp nhận than Nga hoặc than Trung Quốc, chỉ chấp nhận cơ sở giao hàng CFR, giao trong tháng 8 đến tháng 9. Trong gói thầu thứ 2, công ty cũng tìm kiếm 2 chuyến hàng, mỗi chuyến 140.000 tấn than nhiệt trị tối thiểu 5.300 kcal/kg NAR, tổng độ ẩm 15%, chất bốc 22 - 38%, độ tro 20% và tối đa 0,7 % lưu huỳnh. Công ty yêu cầu than Nam Phi cho 1 chuyến và than Colombia cho chuyến còn lại, giao vào tháng 8 đến tháng 9. Trong gói thầu thứ 3, công ty mua 2 chuyến hàng, mỗi chuyến 70.000 tấn than hoặc 1 chuyến 140.000 tấn than nhiệt trị 5.100 kcal/kg NAR, tổng độ ẩm 28%, chất bốc 22 - 45%, độ tro tối đa 17% và 0,5 % lưu huỳnh. Trong gói thầu thứ 4, công ty tìm kiếm 2 chuyến hàng, mỗi chuyến 70.000 tấn than hoặc 1 chuyến 140.000 tấn với nhiệt trị 4.600 kcal/kg NAR, độ ẩm 28%, chất bốc 22 - 45%, độ tro 17% và tối đa 0,5% lưu huỳnh. Trong gói thầu thứ 5, công ty tìm kiếm 2 chuyến hàng 70.000 tấn hoặc 1 chuyến hàng 140.000 tấn cho than nhiệt trị tối thiểu 3.800 kcal/kg NAR, độ ẩm tối đa 40%, chất bốc 22 – 45%, độ tro 10% độ tro và tối đa 0,5% lưu huỳnh. Trong gói thầu thứ 3, 4 và 5, EWP yêu cầu than từ 1 mỏ duy nhất. Tất cả các chào hàng phải dựa trên cơ sở giá cố định, điều kiện FOBT và CFR. Tất cả các gói thầu sẽ đóng vào ngày 15 tháng 5.

(Nguồn: www.platts.com)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	10.20	+0,50
	Queensland	Nhật Bản	11.85	+0,50
	New South Wales	Hàn Quốc	12.45	+0,50
Panamax	Richards Bay	Tây Ấn Độ	12,80	-0,20

(70.000 tấn)	Kalimantan	Tây Ấn Độ	9,75	+0,00
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	13,00	-0,20
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	8,10	+0,35
	Úc	Trung Quốc	12,80	+0,05
	Úc	Ấn Độ	14,25	+0,10

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 09/05/2018)